

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *17*/2019/NQ-HĐND

Ninh Thuận, ngày *12* tháng 7 năm 2019

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

**KHOÁ X KỶ HỌP THỨ 10**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 89/2014/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính hướng dẫn hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất do thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn việc cho vay theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp;*

*Xét Tờ trình số 103 /TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết về ban hành Quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Báo cáo thẩm tra số 94/BC-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.**

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao UBND tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật và hàng năm báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết cho Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa X Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 13 tháng 7 năm 2019 và thay thế Nghị quyết số 09/2015/NQ-HĐND ngày 20/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, KH&ĐT, NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh Khóa X;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm CNTT&TT;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trang TTĐT HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Thanh**

## **QUY ĐỊNH**

### **Một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND  
ngày 12 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh)*

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định chính sách hỗ trợ tín dụng, hỗ trợ đầu tư từ nguồn vốn ngân sách tỉnh theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (sau đây gọi là Nghị định số 57/2018/NĐ-CP).

2. Những cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động theo Luật doanh nghiệp và có dự án đầu tư vào địa bàn tỉnh Ninh Thuận thuộc Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định tại Quy định này.

#### **Điều 3. Nguyên tắc áp dụng hỗ trợ**

1. Nhà nước hỗ trợ đầu tư bằng hình thức hỗ trợ một phần kinh phí đầu tư hoặc cấp bù chênh lệch lãi suất cho doanh nghiệp.

2. Trong cùng một thời gian, nếu dự án đầu tư được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư có các mức ưu đãi, hỗ trợ khác nhau thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư có lợi nhất.

3. Ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; doanh nghiệp xây dựng vùng nguyên liệu có hợp đồng liên kết với nông dân. Đối với hỗ trợ đầu tư, thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp có dự án đầu tư chế biến, bảo quản các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh (nho, táo, măng tây, dê, cừu); cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung.

4. Doanh nghiệp tự bỏ vốn, huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư vào ngành, nghề được quy định. Nhà nước hỗ trợ sau đầu tư theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

#### **Điều 4. Chính sách hỗ trợ tín dụng**

1. Mức hỗ trợ: Bằng chênh lệch lãi suất cho vay thương mại của các ngân

hàng thương mại so với lãi suất tín dụng Nhà nước ưu đãi đầu tư tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ. Tổng mức hỗ trợ tối đa không quá 02 tỷ đồng/dự án.

## 2. Căn cứ để xác định chênh lệch lãi suất hỗ trợ:

a) Mức lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại làm cơ sở để ngân sách tỉnh cấp bù chênh lệch lãi suất là mức lãi suất cho vay thấp nhất của các ngân hàng thương mại có hoạt động cho vay phục vụ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ được ngân hàng thương mại niêm yết công khai tại các điểm giao dịch.

b) Mức lãi suất tín dụng Nhà nước ưu đãi đầu tư làm căn cứ cấp bù chênh lệch lãi suất là mức lãi suất tín dụng Nhà nước ưu đãi đầu tư được công bố áp dụng cho từng thời kỳ.

## 3. Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại:

a) Không quá 08 năm đối với dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn các huyện; không quá 06 năm đối với dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn các xã thuộc thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

b) Trường hợp dự án đầu tư của doanh nghiệp nông nghiệp nhỏ và vừa mới thành lập thì thời gian hỗ trợ lãi suất là 08 năm.

c) Dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị thì được áp dụng hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm.

## 4. Phương thức hỗ trợ lãi suất:

a) Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư được tính cho từng dự án và được thực hiện theo hồ sơ thanh toán thực tế giữa doanh nghiệp với ngân hàng thương mại trên cơ sở hợp đồng đã ký.

b) Không thực hiện cấp bù chênh lệch lãi suất đối với các khoản vay (gốc và lãi) quá hạn tính từ thời điểm quá hạn.

## 5. Điều kiện hỗ trợ lãi suất:

Doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện sau:

a) Các khoản vay đúng đối tượng, đúng mục tiêu, và đáp ứng các điều kiện theo quy định.

b) Sử dụng vốn đúng mục đích và trả nợ gốc, lãi theo đúng thỏa thuận với ngân hàng thương mại.

c) Hợp đồng tín dụng được hỗ trợ là các hợp đồng chưa được hỗ trợ lãi suất từ các chính sách khác.

d) Có dự án đầu tư đáp ứng tiến độ thực hiện theo quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật đầu tư.

## 6. Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Tối đa không quá 70% tổng mức

đầu tư của dự án.

### **Điều 5. Các chính sách hỗ trợ đầu tư**

1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chế biến các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh:

a) Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở chế biến các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh (nhò, táo, măng tây, dê, cừu) được ngân sách tỉnh hỗ trợ 60% chi phí đầu tư nhưng tối đa không quá 02 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án.

b) Điều kiện hỗ trợ: Giá trị sản phẩm sau chế biến tăng ít nhất 1,5 lần so với giá trị nguyên liệu thô ban đầu.

2. Hỗ trợ đầu tư cơ sở bảo quản các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh:

a) Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở bảo quản các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh (nhò, táo, măng tây) được ngân sách tỉnh hỗ trợ 70% chi phí đầu tư nhưng tối đa không quá 01 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị.

b) Điều kiện hỗ trợ: Giao UBND tỉnh xem xét quyết định cụ thể, đảm bảo quy định pháp luật, phù hợp tình hình thực tế địa phương và khả thi.

3. Hỗ trợ đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung:

a) Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung được ngân sách tỉnh hỗ trợ 60% chi phí đầu tư nhưng tối đa không quá 02 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án.

b) Điều kiện hỗ trợ: Công suất giết mổ một ngày đêm của mỗi dự án phải đạt công suất tối thiểu 100 con gia súc hoặc 50 con gia súc và 200 con gia cầm.

### **Điều 6. Nguồn và mức vốn hỗ trợ**

Ngân sách tỉnh hàng năm dành tối thiểu 5% đối với các nguồn vốn:

- Chi thường xuyên cho ngành nông nghiệp để cân đối hỗ trợ cấp bù chênh lệch lãi suất cho doanh nghiệp.

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản nguồn cân đối ngân sách địa phương cho ngành nông nghiệp để cân đối hỗ trợ đầu tư cơ sở chế biến, bảo quản các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung.

### **Điều 7. Quy định chuyển tiếp**

1. Doanh nghiệp có dự án đầu tư đáp ứng các điều kiện ưu đãi theo Quy định này, nếu đã triển khai thực hiện dự án sau ngày Quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2015/NQ-HĐND ngày 20/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh có hiệu lực mà chưa được hưởng ưu đãi thì được hưởng ưu đãi cho thời gian còn lại của dự án theo Quy định này.

2. Dự án đầu tư đáp ứng các điều kiện theo Quy định này, triển khai thực hiện sau ngày Quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp

đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2015/NQ-HĐND ngày 20/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh có hiệu lực mà chưa được hưởng hỗ trợ đầu tư thì được hưởng hỗ trợ đầu tư theo Quy định này./.

**CHỦ TỊCH**



*Thanh*  
**Nguyễn Đức Thanh**